

Số: 55/BC-UBND

Quảng Phước, ngày 29 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO

Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, định hướng giai đoạn 2021 - 2030 của xã Quảng Phước

Thực hiện Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền về việc tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; Công văn số 141/UBND ngày 14 tháng 02 năm 2020 của UBND huyện Quảng Điền về việc hướng dẫn báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020. Ủy ban nhân dân xã báo cáo Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, định hướng giai đoạn 2021 - 2030 của xã Quảng Phước, cụ thể như sau:

Phần thứ I

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- UBND xã đã phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) Nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 của tỉnh, huyện và của địa phương đến toàn thể cán bộ, công chức trong cơ quan xã và tuyên truyền rộng rãi đến các tầng lớp Nhân dân.

- Xác định công tác cải cách hành chính là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và là khâu quan trọng trong tiến trình đổi mới, đồng thời thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác CCHC, ngay từ cuối mỗi năm UBND xã đã ban hành kế hoạch về triển khai công tác cải cách hành chính cho năm tiếp theo, cho giai đoạn; trong đó UBND xã xác định 07 nhiệm vụ trọng tâm trong Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2011-2020 bao gồm: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa hành chính và công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính. Đồng thời, hàng năm UBND xã cũng đã ban hành Kế hoạch về công tác tuyên truyền cải cách hành chính; Kế hoạch về công tác kiểm soát thủ tục hành chính; Kế hoạch về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính và một số văn bản khác liên quan đến việc triển khai công tác cải cách hành chính tại

địa phương.

- Đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện công tác CCHC trên địa bàn xã nhằm tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện công tác dân vận chính quyền, nâng cao chỉ số CCHC của xã, chỉ đạo thực hiện nghiêm các văn bản liên quan đến việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ, đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh.

Bên cạnh đó, để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về CCHC, Đảng ủy đã ban hành Nghị quyết số 42/NQ-ĐU ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Đảng ủy xã về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020.

- Để đảm bảo công tác CCHC được triển khai thực hiện có hiệu quả, UBND xã luôn bố trí một phần ngân sách của địa phương cho công tác CCHC, được thể hiện cụ thể trong các kế hoạch CCHC hàng năm. Cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực phục vụ cho công tác CCHC cơ bản được đảm bảo, trong những năm qua, UBND xã đã bố trí kinh phí để xây dựng Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại khang trang với các thiết bị máy móc cần thiết từng bước đáp ứng nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính của tổ chức, công dân; nguồn nhân lực được kiện toàn với đội ngũ có chuyên môn tốt, cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại, cán bộ làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính, cán bộ phụ trách công nghệ thông tin và chuẩn cán bộ, công chức ngày càng được nâng lên.

- Công tác theo dõi, đánh giá về CCHC đã được thực hiện thường xuyên, UBND xã đã phân công cán bộ phụ trách công tác CCHC để tham mưu UBND xã đánh giá, báo cáo định kỳ và hàng năm về công tác CCHC của địa phương. Trong những năm qua chỉ số CCHC của xã theo đánh giá, xếp loại của UBND huyện luôn có bước tiến vượt bậc, đến năm 2019 xếp loại CCHC của địa phương đạt loại tốt. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc đã thúc đẩy CCHC ngày càng được nâng lên góp phần giải quyết thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân ngày càng tốt hơn, tạo sự hài lòng trong Nhân dân; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức được nâng cao... góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Bên cạnh đó, UBND xã luôn tuyên truyền các mô hình, sáng kiến hay trong công tác CCHC đã được công nhận; đồng thời, khuyến khích, động viên cán bộ, công chức tích cực sáng kiến trong CCHC để áp dụng vào tình hình thực tế tại địa phương.

- Công tác thi đua khen thưởng về CCHC cũng được UBND xã quan tâm, hàng năm vào dịp cuối năm lồng ghép vào hội nghị cán bộ, công chức, UBND xã đã khen thưởng và trao tặng bằng khen, giấy khen của UBND tỉnh, UBND huyện, UBND xã cho những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác CCHC.

2. Kiểm tra việc thực hiện

Hàng năm, Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch về kiểm tra cải cách

hành chính; Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức; Kế hoạch kiểm tra công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính. Thực hiện các kế hoạch nêu trên, UBND xã đã thực hiện việc kiểm tra và báo cáo cũng như thông báo kết luận; qua kiểm tra đã phát hiện một số điểm hạn chế, tồn tại trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của CBCC như việc số hóa hồ sơ chưa kịp thời, hồ sơ trễ hẹn vẫn còn xảy ra, tỉ lệ hồ sơ chưa được thực hiện khảo sát mức độ vẫn còn tồn tại, mức độ hoàn tiến độ công việc được phân công có lúc chưa kịp thời. Qua đó, UBND xã đã kịp thời chỉ đạo CBCC chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ góp phần chuyển biến tích cực trong công tác triển khai cải cách hành chính của cơ quan, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Thông tin, tuyên truyền

- Hàng năm UBND xã đã ban hành Kế hoạch về việc tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên địa bàn xã. Đồng thời, triển khai thực hiện tốt kế hoạch về việc tuyên truyền công tác CCHC của cấp trên.

- UBND xã đã thường xuyên chỉ đạo Bộ phận Văn hóa - Thông tin phối hợp với các bộ phận liên quan tuyên truyền phổ biến bằng nhiều hình thức như băng rôn, khẩu hiệu và trên hệ thống Đài truyền thanh; Bộ phận Văn phòng - Thống kê kịp thời niêm yết danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại và đăng tải, cập nhật trên Trang Thông tin điện tử xã; chỉ đạo Bộ phận Tư pháp, Công an xã lồng ghép việc tuyên truyền công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; công tác tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước có liên quan về đổi mới hệ thống chính trị, cải cách lập pháp, cải cách tư pháp. Nội dung tuyên truyền ngày càng phong phú và đa dạng như về các danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp; quy định việc thu phí, lệ phí giải quyết TTHC tại Trung tâm hành chính công các cấp; quy định tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; quy định về quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức và người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; các văn bản của Trung ương, tỉnh, huyện và của xã về công tác cải cách hành chính; kế hoạch đầu tư công; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương...

- Việc thông tin tuyên truyền về cơ bản đảm bảo kế hoạch đề ra góp phần nâng cao nhận thức về công tác CCHC đối với đội ngũ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội góp phần thay đổi tư duy, lề lối làm việc khoa học, hiệu quả thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Đánh giá chung về công tác triển khai

a) Mặt tích cực đạt được

- Về cơ quá trình triển khai công tác CCHC của địa phương tương đối đảm bảo, các kế hoạch, văn bản chỉ đạo về công tác CCHC đã được ban hành đầy đủ. Đồng thời, công tác triển khai CCHC đã được cấp ủy quan tâm trong việc chỉ đạo.

- Việc xác định các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về CCHC phù hợp với

tình hình thực tế của địa phương.

- Hình thức tuyên truyền về CCHC ngày càng đa dạng, Trang thông tin điện tử xã đã phát huy được chức năng thông tin, tuyên truyền đến các tầng lớp Nhân dân.

2. Những hạn chế, khuyết điểm

- Các văn bản chỉ đạo điều hành tuy ban hành đầy đủ nhưng có lúc chưa kịp thời và quá trình tổ chức thực hiện hiệu quả mang lại chưa cao.

- Việc kiểm tra CCHC chưa được thực hiện thường xuyên và chưa được quan tâm đúng mức.

- Việc tuyên truyền CCHC chưa tạo được sự chuyển biến trong đội ngũ cán bộ, công chức và Nhân dân.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VB QPPL)

- Hàng năm UBND xã đều ban hành Kế hoạch về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Qua đó, đã chỉ đạo Bộ phận Văn phòng - Thông kê xã phối hợp các ngành liên quan chủ động tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để trình HĐND quyết nghị tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

- Trong những năm qua, việc xây dựng và ban hành các văn bản QPPL được thực hiện đúng trình tự, thủ tục và mỗi năm chủ yếu Hội đồng Nhân dân xã ban hành 02 văn bản quy phạm pháp luật, gồm: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng còn lại cuối năm.

- Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo bộ phận Tư pháp xã tiến hành rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, theo quy định của cấp trên. Đồng thời, tiến hành gửi văn bản QPPL được ban hành tại xã đến Phòng Tư pháp huyện kiểm tra, thẩm định.

b) Hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của đơn vị

- Nâng cao chất lượng xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và mang tính khả thi cao.

- Tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND xã ban hành, đồng thời loại bỏ, điều chỉnh những quy định chồng chéo, không đúng thẩm quyền, không phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương.

- Công tác tổ chức triển khai thực hiện các VBQPPL được thực hiện đảm bảo tốt, hàng năm UBND xã đều ban hành Kế hoạch về theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Đồng thời, các VBQPPL do các cấp ban hành đã được triển khai và áp dụng đầy đủ trên địa bàn.

- Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được triển khai thực hiện nghiêm túc theo tinh thần Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật

ban hành VBQPPL; hàng năm UBND xã đều ban hành Kế hoạch về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã, Kế hoạch thực hiện công tác quản lý về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính. UBND xã chỉ đạo Công chức Tư pháp - Hộ tịch phối hợp với Văn phòng - Thống kê xã để tiến hành rà soát các văn bản pháp luật của xã đã ban hành để sửa đổi, bổ sung đảm bảo đúng nội dung, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

c) Việc tổ chức triển khai hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị, địa phương

- Việc tổ chức thực hiện đúng quy trình việc ban hành các VB QPPL đã đảm bảo tính pháp lý tác động tích cực đến các mặt của đời sống xã hội như thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự an toàn xã hội, an sinh xã hội được đảm bảo.

- Hàng năm, UBND xã đều ban hành Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. Qua đó, chỉ đạo Bộ phận Tư pháp chủ trì và phối hợp với Bộ phận Văn hóa, Công an tuyên truyền bằng nhiều hình thức đến bà con Nhân dân, đặc biệt là Nhân dân khu vực đầm phá, Nhân dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật luôn được chú trọng và triển khai thực hiện một cách thường xuyên. Hàng năm, UBND xã đã tự kiểm tra, rà soát 02 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND xã ban hành.

1.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

- Chất lượng của việc kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương hiệu quả chưa cao.

- Việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương chưa thường xuyên, chưa kịp thời tham mưu các biện pháp xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục chưa được thực hiện thường xuyên và hình thức tuyên truyền chưa lôi cuốn, thu hút.

b) Nguyên nhân

- Trình độ, năng lực của cán bộ làm công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương chưa đáp ứng với yêu cầu đặt ra.

- Nguồn nhân lực phục vụ cho việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương còn thiếu và yếu.

- Kinh phí phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục còn hạn chế nên khó khăn trong tổ chức thực hiện.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Kết quả đạt được

a) Về kiểm soát thủ tục hành chính

- Thực hiện kế hoạch của UBND huyện về việc kiểm soát thủ tục hành chính, hàng năm UBND xã đã ban hành Kế hoạch về kiểm soát thủ tục hành chính;

đồng thời, ban hành Kế hoạch về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính. Qua đó, UBND xã đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn tiến rà soát, đánh giá các thủ tục hành chính nhằm đơn giản hóa các thủ tục và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Đã bãi bỏ các danh mục thủ tục hành chính ban hành không phù hợp và không áp dụng tại địa phương. Việc kiểm soát các thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã được thực hiện thường xuyên, liên tục. Cán bộ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính cập nhật kịp thời những văn bản mới liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; quy trình giải quyết thủ tục hành chính.

- Thực hiện tốt Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC, UBND xã đã niêm yết công khai các thông tin về địa chỉ, email, số điện thoại của cơ quan tiếp nhận tại trụ sở cơ quan để xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Tuy nhiên trong thời gian qua, UBND xã chưa nhận được bất kỳ phản ánh nào liên quan đến quy định hành chính.

- Kết quả giải quyết các hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã trong thời gian qua cơ bản đảm bảo đúng quy trình quy định, trả hồ sơ trước hẹn và đúng hẹn, một số ít hồ sơ trễ hẹn do nhiều yếu tố khách quan, tuy nhiên đã đảm bảo hoàn thiện hồ sơ cho công dân, tổ chức giao dịch.

b) Công khai thủ tục hành chính theo quy định của Chính phủ

Việc cập nhật, công bố, công khai thủ tục hành chính luôn được UBND xã thực hiện theo quy định. Đã niêm yết danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã và nội dung các quy trình giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại xã để Nhân dân thuận lợi tìm hiểu và theo dõi. Bên cạnh đó, UBND xã cũng đã niêm yết các thông tin về thủ tục hành chính, các quyết định của cấp trên về ban hành hoặc hủy bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban Nhân dân cấp xã.

Song song với việc niêm yết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại xã là tiến hành công khai trên Trang Thông tin điện tử của xã danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã cùng nhiều thông tin về quy định của TTHC.

Việc niêm yết công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và Trang Thông tin điện tử xã được thực hiện đầy đủ, bảng niêm yết rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, công dân đến giao dịch, giải quyết công việc.

c) Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

- UBND xã chỉ đạo Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tổ chức thực hiện đúng quy trình giải quyết thủ tục hành chính được quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Quyết định 1462/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục thủ

tục hành chính được tiếp nhận giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về ban hành Quy định tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế và Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án xây dựng Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- UBND xã tổ chức quán triệt, thực hiện tốt các quy định, quy chế của cấp trên trong liên thông TTHC, tạo sự đồng thuận, thống nhất và có hiệu quả cao trong tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC liên thông.

- Cán bộ công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại xã thực hiện đầy đủ các quy định về niêm yết công khai, cập nhật kịp thời vào sổ theo dõi giải quyết hồ sơ, sử dụng đầy đủ các loại phiếu trong tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC. Thực hiện số hóa hồ sơ TTHC và khảo sát mức độ hài lòng trong giải quyết TTHC theo quy định.

- CBCC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại xác có thái độ niềm nở, thân thiện với Nhân dân, cư xử đúng mực, có ý thức kỷ luật tốt, tạo sự tin tưởng cho Nhân dân khi đến thực hiện TTHC.

d) Về tình hình, kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4

Hiện nay, các thủ tục hành chính giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại xã chủ yếu chỉ mới thực hiện ở mức độ 2; mức độ 3, mức độ 4 chỉ triển khai nhưng chưa áp dụng.

đ) Về triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích

Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích đã được UBND xã triển khai. Các hồ sơ, thủ tục giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại xã tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích chủ yếu trong lĩnh vực bảo trợ xã hội và lĩnh vực đất đai.

2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

- Việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính chưa được thực hiện thường xuyên và chưa quan tâm đúng mức; việc rà soát còn mang tính hình thức, chưa đề xuất bãi bỏ các thủ tục hành chính không phù hợp với địa phương.

- Việc công khai các quy trình thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại xã có lúc chưa kịp thời và chưa rõ ràng.

- Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính có khi còn trễ hẹn và chưa thông suốt.

b) Nguyên nhân

- Công tác chỉ đạo, điều hành trong việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính chưa được coi trọng đúng mức.

- Các danh mục thủ tục hành chính do UBND tỉnh ban hành thường xuyên thay đổi liên tục nên cấp xã không chủ động trong việc niêm yết.

- Do ảnh hưởng của các phần mềm xử lý công việc, một số thủ tục hành chính phải qua nhiều cấp nên chưa đảm bảo tiến độ và thông suốt.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

3.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị, địa phương

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (Khóa XII) và các văn bản hướng dẫn của cấp trên, UBND xã chủ động bố trí kiêm nhiệm một số chức danh những người hoạt động không chuyên trách nhằm tinh giản bộ máy và để tăng mức phụ cấp cho người lao động trong cơ quan. Hiện nay có 23 cán bộ, công chức: trong đó 01 cán bộ Đề án 500, 01 Trưởng Công an chính quy, 12 người hoạt động không chuyên trách. UBND xã đã từng bước thực hiện sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức theo quy định của Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Bên cạnh đó, thực hiện chủ trương sáp nhập các thôn có quy mô nhỏ, trong thời gian qua địa phương đã sáp nhập thôn Phước Lâm và thôn Phước Lý thành thôn Lâm Lý; thôn Hà Đồ và thôn Phước Lập thành thôn Hà Đồ - Phước Lập. Qua đó giảm được 02 thôn từ 08 thôn còn lại 06 góp phần tinh giản bộ máy hệ thống chính trị ở thôn.

Hàng năm UBND xã luôn điều chỉnh, bổ sung quy chế làm việc theo quy định mới của cấp trên và phù hợp tình hình thực tế của cơ quan; đồng thời, đã quán triệt, phổ biến cho cán bộ, công chức về quy chế làm việc của đơn vị để cán bộ, công chức nắm rõ và thực hiện theo đúng quy chế.

b) Đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương

Mô hình chính quyền địa phương cơ sở gồm Hội đồng Nhân dân xã và Ủy ban Nhân dân xã vẫn luôn được duy trì trong thời gian qua. Hội đồng Nhân dân xã luôn thể hiện vai trò là cơ quan quyền lực Nhà nước của địa phương, đại diện cho ý chí nguyện vọng của Nhân dân, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương và luôn thực hiện chức năng giám sát các hoạt động của UBND xã đảm bảo đúng luật và Nghị quyết HĐND xã đã ra. Ủy ban Nhân dân xã thực hiện chức năng điều hành quản lý mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh... của địa phương. Chất lượng hoạt động của Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân ngày càng được nâng lên góp phần xây dựng địa phương ngày càng phát triển giàu mạnh và bền vững.

c) Về phân cấp quản lý

- Hàng năm, thông qua rà soát, thống kê cán bộ, công chức, UBND xã phân công cán bộ, công chức phù hợp chuyên môn trên cơ sở số biên chế được giao. Trong công tác sắp xếp, bố trí và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, UBND xã đã căn cứ năng lực, trình độ của cán bộ, công chức và yêu cầu của nhiệm vụ công việc để ban hành quyết định phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các Ủy viên ủy ban và phân công nhiệm vụ của công chức UBND xã đảm bảo phù hợp và tạo môi trường cho cán bộ, công chức phát huy sở trường, năng lực trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Việc thực hiện các quy định phân cấp, một số lĩnh vực nhất định đã được UBND xã giao cho các thôn, các hợp tác xã quản lý. Hàng năm, UBND xã đã tổ chức kiểm tra, giám sát đối với các nhiệm vụ đã được UBND ủy quyền cho các thôn, hợp tác xã như thu, chi các loại quỹ... Các trường hợp vi phạm sẽ được UBND xã xử lý theo quy định.

d) Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương

Việc giám sát, kiểm tra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của CBCC được UBND xã đặc biệt chú trọng. Theo đó, hàng năm UBND xã đã ban hành Kế hoạch kiểm tra nhiệm vụ CBCC; Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính. Qua kiểm tra đã phát hiện một số điểm hạn chế, tồn tại trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của CBCC để chỉ đạo CBCC kịp thời chấn chỉnh khắc phục. Các trường hợp kiểm tra phát hiện vi phạm thuộc thẩm quyền xử lý, UBND xã sẽ tiến hành xử lý kỷ luật theo quy định; trường hợp không thuộc thẩm quyền, UBND xã sẽ báo cáo cấp trên xử lý theo phân cấp.

3.2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

- Việc tinh giản biên chế, bộ máy hành chính nhà nước theo hướng dẫn của cấp trên còn gặp nhiều khó khăn.

- Cán bộ, công chức một lúc phải kiêm nhiệm nhiều chức năng nhiệm vụ khác nhau nên ảnh hưởng đến hiệu quả công việc.

- Cơ cấu của xã thuộc xã loại 02 chỉ có 01 Phó Chủ tịch nên khối lượng công việc rất nhiều, ảnh hưởng đến việc chỉ đạo, điều hành công việc.

b) Nguyên nhân

- Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ ban hành có hiệu lực, trong khi cán bộ, công chức của xã thuộc diện tinh giản theo các chính sách của Chính phủ có số lượng ít.

- Số lượng cán bộ, công chức thực hiện theo quy định ngày càng tinh giảm trong khi khối lượng công việc ở địa phương ngày càng nhiều.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

4.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức

- Số lượng cán bộ, công chức: Thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của cấp trên UBND xã được giao chỉ tiêu 23 cán bộ, công chức và đã bố trí 22/23 cán bộ, công chức đảm nhiệm các chức danh theo quy định. Trong năm 2015, địa phương được bố trí tăng cường thêm 01 trí thức trẻ của Đội viên Đề án 500, tuy nhiên đến nay sau 05 năm công tác việc bố trí công việc là rất khó khăn. Hiện nay, theo quy định còn 21 chức danh cán bộ, công chức; trong đó cán bộ 10 người, công chức 11 người.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cụ thể, như sau:

+ Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: 20/21 cán bộ, công chức có trình độ Đại học, chiếm 95,2%; 01/21 trình độ Trung cấp chiếm 4,8%; trình độ Trung cấp lý luận chính trị: 19/21 cán bộ, công chức, chiếm 90,5%.

+ Bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên: 20/21 cán bộ, công chức, chiếm 95,2%; chứng chỉ A tin học, chứng chỉ B tiếng Anh đạt 100%.

b) Việc thực hiện đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức của địa phương

Trong thời gian qua UBND xã thường xuyên quan tâm đến công tác bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, công chức, đến nay 100% cán bộ, công chức đã đạt chuẩn theo quy định; việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức hàng năm được triển khai một cách tích cực, kết quả đánh giá hàng năm là cơ sở để UBND xã xem xét đề xuất các cấp có thẩm quyền khen thưởng, nâng ngạch, nâng bậc lương trước thời hạn và bố trí vào các chức danh lãnh đạo, quản lý cao hơn. Đồng thời, cũng là căn cứ để đề xuất tinh giảm biên chế theo Nghị định 108 của Chính phủ đối với cán bộ, công chức nhiều năm không hoàn thành nhiệm vụ được giao theo quy định.

c) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức

Thực hiện Chỉ thị số 32/2016/CT-UBND, ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh về việc tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, chấn chỉnh lề lối làm việc của cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, nhìn chung cán bộ, công chức và người lao động trong cơ quan chấp hành và sử dụng hiệu quả thời gian làm việc theo quy định của pháp luật, nội quy, quy chế làm việc, không uống rượu, bia trong giờ hành chính và giờ nghỉ trưa của ngày làm việc, trang phục, lễ phục đảm bảo. Trong thời gian qua đã có sự chuyển biến rõ nét về thái độ, tác phong làm việc cũng như hiệu quả công việc ngày một tốt hơn, tình trạng đi muộn về sớm và làm việc riêng trong giờ hành chính đã giảm đi đáng kể, từng cán bộ, công chức, người lao động luôn cố gắng nâng cao nhận thức và thực hiện nghiêm túc có trách nhiệm.

4.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

- Năng lực cán bộ, công chức không đồng đều, có một số mặt còn hạn chế.
- Việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức hàng năm còn tình trạng né tránh, nể nang, sợ mất lòng.

b) Nguyên nhân

- Các hệ đào tạo cán bộ, công chức không đồng bộ, một số cán bộ, công chức ngại rèn luyện, học tập.
- Chưa phát huy được công tác phê bình và tự phê bình trong đánh giá cán bộ, công chức.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội

UBND xã thực hiện tiết kiệm chi ngân sách thường xuyên để cải cách tiền lương theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên. Luôn đảm bảo các chế độ, chính sách về tiền lương, phụ cấp và các chế độ an sinh xã hội theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện đổi mới công tác quản lý, sử dụng tài sản công

UBND xã đã triển khai kê khai, quản lý tài sản công trên hệ thống cơ sở dữ liệu tài sản công của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

c) Thực hiện việc công khai tài chính

Hàng năm, sau khi có Nghị quyết của HĐND xã về dự toán thu chi ngân sách, Bộ phận Tài chính - Kế toán tham mưu UBND xã quyết định công bố, công khai tài chính để thông qua tại hội nghị cán bộ, công chức hàng năm.

5.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Việc thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP còn gặp nhiều khó khăn do nguồn thu tại địa phương còn thấp và kinh phí chi giao theo chế độ định mức nhưng thực tế có các khoản chi phát sinh cao hơn so với dự toán giao đầu năm nên không có nguồn kinh phí để tiết kiệm.

- Việc đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm tuy đã được UBND huyện quan tâm nhưng do công tác đào tạo, tập huấn chưa thường xuyên và trang bị phần mềm chưa đầy đủ theo nhu cầu cần thiết nên chưa phát huy hết hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm vào công tác cải cách tài chính công.

6. Về hiện đại hóa hành chính

6.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Việc ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan

- Xác định việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cải cách hành chính, phục vụ tốt hơn hoạt động thực thi nhiệm vụ của cán bộ, công chức và giải quyết công việc của cá nhân, tổ chức. Đồng thời, để đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, hàng năm, ngay từ đầu năm UBND xã đã ban hành Kế hoạch về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính nhà nước.

- Hàng năm, thực hiện việc kiểm tra tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước của UBND huyện, Ủy ban nhân dân xã đã báo cáo và tuân thủ, phối hợp kiểm tra tình hình ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan và được đánh giá thực hiện tốt.

b) Kết quả đạt được trong ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan

- UBND xã đã từng bước đầu tư, mua sắm các trang thiết bị làm việc để phục vụ tốt cho công tác chuyên môn, đảm bảo 100% cán bộ, công chức được trang cấp máy tính và kết nối hệ thống mạng LAN. Tiếp tục thực hiện tốt chỉ đạo của UBND huyện về triển khai kết nối mạng diện rộng tỉnh CPNet. Đồng thời, quyết định bố trí cán bộ Văn hóa - Thông tin làm cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan, với trình độ đạt chuẩn ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản.

- Cán bộ, công chức của cơ quan có trình độ tin học văn phòng A, B và trình độ đạt chuẩn ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản. Công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại xã cũng được đào tạo, sử dụng hiệu quả các phần mềm dùng chung để phục vụ công việc.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan, ban ngành đoàn thể được thực hiện thường xuyên mang lại hiệu quả trong việc trao đổi thông tin cũng như việc chỉ đạo của lãnh đạo đối với các đơn vị, bộ phận trên địa bàn xã.

- Bên cạnh việc đăng ký sử dụng chữ ký số để áp dụng trong lưu hành văn bản đối với lãnh đạo UBND xã gồm Chủ tịch và Phó Chủ tịch; UBND xã cũng đã đăng ký chữ ký số cho đội ngũ công chức xã để thuận lợi trong giải quyết công việc (13 chữ ký số đã được cấp sử dụng).

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan:

+ Phần mềm quản lý văn bản và điều hành: Việc áp dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành của UBND xã thường xuyên, liên tục và mang lại hiệu quả cao, góp phần đáp ứng yêu cầu giải quyết và điều hành hoạt động của UBND xã. Tuy nhiên tỷ lệ văn bản được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử giữa các cơ quan nhà nước là chưa cao, khoảng 50%. Hiện trạng kết nối giữa các hệ thống quản lý văn bản và điều hành đảm bảo thông suốt với cấp huyện và cấp tỉnh.

+ Cán bộ, công chức được cấp tài khoản hộp thư điện tử công vụ đạt 100%, tuy nhiên việc sử dụng thường xuyên và liên tục chưa đảm bảo.

+ Hiện nay, các thủ tục hành chính giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại xã chủ yếu chỉ mới thực hiện ở mức độ 2; mức độ 3, mức độ 4 chỉ triển khai nhưng chưa áp dụng.

+ Việc sử dụng phần mềm một cửa điện tử đã được áp dụng tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại xã, tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua hệ thống một cửa điện tử cơ bản đảm bảo trước hạn và đúng hạn, tỷ lệ qua hạn ở mức thấp và từng bước được khắc phục.

c) Tình hình triển khai hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 tại cơ quan

UBND xã đã chỉ đạo các bộ phận tiến hành rà soát, xây dựng áp dụng duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ban hành Kế hoạch về việc triển khai thực hiện mục tiêu chất lượng hàng năm; Kế hoạch về duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt động tại UBND xã; Quyết định về việc ban hành mục tiêu chất lượng hàng năm; Quyết định về việc ban hành chính sách chất lượng hàng năm. Công bố ban hành quyết định về hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001-2015.

6.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

- Hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin vẫn còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng yêu cầu sử dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ ngày cao trong tình hình mới.

- Một số cán bộ, công chức vẫn chưa thường xuyên sử dụng các phần mềm dùng chung của tỉnh trong thực thi công vụ và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế; công chức phụ trách công nghệ thông tin là kiêm nhiệm chưa được đào tạo chuyên môn nên hiệu quả hoạt động chưa cao.

b) Nguyên nhân

- Ngân sách của địa phương có phần hạn chế nên việc đáp ứng các trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ cho ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan, địa phương còn nhiều bất cập.

- Công tác chỉ đạo, điều hành trong việc ứng dụng đồng bộ các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành còn lỏng lẻo; tính tự giác học tập, rèn luyện các kiến thức về công nghệ thông tin chưa được phát huy.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

a) Mặt tích cực đạt được

- Được sự quan tâm giúp đỡ của các phòng, ban chuyên môn cấp huyện; sự lãnh chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy nên việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác cải cách hành chính được thuận lợi.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng được nâng lên, đạt chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực công tác; chất lượng, hiệu quả,

trách nhiệm trong hoạt động công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên đáng kể, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Việc rà soát và niêm yết thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên, liên tục, bảo đảm thực hiện đúng theo quy định về kiểm soát thủ tục hành chính. Chất lượng cải cách thủ tục hành chính ngày càng được nâng lên, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận.

- Bộ máy hành chính tiếp tục được tổ chức đảm bảo hợp lý, khoa học, tinh gọn hoạt động có hiệu quả, hạn chế sự chồng chéo, trùng lặp trong cơ quan, cải tiến phương thức quản lý, lề lối làm việc và nâng cao năng lực và chất lượng hoạt động của HĐND và UBND xã trong việc quyết định, ban hành những chính sách trong phạm vi được phân cấp, phát huy vai trò giám sát của HĐND. Sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức đúng với trình độ chuyên môn đào tạo, phân công rõ chức năng nhiệm vụ được giao, tăng cường tính chuyên nghiệp hóa của đội ngũ cán bộ, công chức.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND xã được đẩy mạnh và đạt được một số kết quả bước đầu, mang lại hiệu quả cao trong công việc.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

a) Những tồn tại, hạn chế, khó khăn

- Nhận thức của một bộ phận lớn người dân về công tác cải cách hành chính còn hạn chế, người dân chưa định vị được vai trò của mình vào công tác cải cách hành chính. Vì vậy chưa tham gia tích cực và chưa mặn mà tham gia công tác này.

- Hạ tầng phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin chưa đáp ứng nên việc triển khai kết nối mạng diện rộng tỉnh CPNet đã làm ảnh hưởng đến việc truy cập internet phục vụ giải quyết công việc và vận hành sử dụng các phần mềm dùng chung.

- Các văn bản quy định về các lĩnh vực thủ tục hành chính thường xuyên sửa đổi, bổ sung và thay đổi; các lĩnh vực liên thông liên quan đến nhiều ngành cấp huyện nên thời gian trả hồ sơ thường xuyên quá hạn.

- Một số cán bộ, công chức vẫn chưa thường xuyên sử dụng các phần mềm dùng chung của tỉnh như: mail công vụ, quản lý văn bản và điều hành trong thực thi công vụ; công chức phụ trách công nghệ thông tin là kiêm nhiệm chưa được đào tạo chuyên môn nên hiệu quả hoạt động chưa cao.

- Mặc dù đã được cấp trên và UBND xã đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho công tác CCHC tuy nhiên trang thiết bị vẫn còn thiếu, một số máy tính cũ vẫn đang được tận dụng có cấu hình yếu gây khó khăn cho việc triển khai, ứng dụng, vận hành các phần mềm mới và hiệu quả, tiến độ thực hiện công việc.

b) Nguyên nhân

- Công tác chỉ đạo, điều hành về CCHC ở địa phương có phần chưa quyết liệt, sâu sát nên chưa tạo được chuyển biến mạnh mẽ. Việc tuyên truyền về CCHC

đã được triển khai nhưng chưa thường xuyên và liên tục nên chưa thay đổi được nhận thức của người dân và cán bộ, công chức.

- Hệ thống mạng nội bộ kết nối bằng CPNet mặc dù có ưu điểm là tính an toàn, bảo mật cao. Tuy nhiên chi phí vận hành lớn, tốc độ đường truyền còn thấp và chưa ổn định cũng là nguyên nhân làm hạn chế việc ứng dụng công nghệ thông tin.

- Ngân sách của địa phương có phần hạn chế nên việc đáp ứng các trang thiết bị phục vụ cho công tác CCHC của cơ quan, địa phương còn nhiều bất cập.

- Nguồn nhân lực phục vụ cho công tác CCHC của địa phương chủ yếu là kiêm nhiệm như: cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, cán bộ làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính... nên hiệu quả công việc chưa cao. Trong khi đó công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong tình hình mới; đồng thời, chế độ phụ cấp cho cán bộ làm công tác CCHC chưa được quan tâm đúng mức.

- Chất lượng, trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức được nâng lên, tuy nhiên trình độ ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc của một số cán bộ, công chức còn hạn chế chưa đáp ứng với tình hình công tác CCHC ngày càng được nâng cao.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính

Với những kết quả đã đạt được và những tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách hành chính tại địa phương 10 năm qua, có thể khẳng định công tác cải cách hành chính là một nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, thường xuyên, liên tục của cơ quan hành chính nhà nước, đòi hỏi sự vào cuộc chung tay của cả hệ thống chính trị và người dân, tổ chức. Từ thực tiễn đó, có thể rút ra được những bài học kinh nghiệm sau:

- *Một là*, tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai công tác CCHC trên tất cả các lĩnh vực; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu và đội ngũ cán bộ, công chức trong cả hệ thống chính trị.

- *Hai là*, công tác CCHC cần phải thực hiện kiên trì, thường xuyên với những mục tiêu và giải pháp cụ thể; lấy sự hài lòng của người dân và tổ chức, doanh nghiệp làm mục tiêu thực hiện công tác CCHC.

- *Ba là*, để thực hiện có kết quả công cuộc CCHC, yếu tố quyết định hàng đầu là hệ thống thể chế, tổ chức bộ máy và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

- *Bốn là*, CCHC phải được tiến hành đồng bộ, trong đó cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và dịch vụ công là nhiệm vụ trọng tâm; bảo đảm tính công khai, minh bạch trong giải quyết công việc hành chính có liên quan đến tổ chức, cá nhân.

- *Năm là*, tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ, năng lực và có phẩm chất đạo đức tốt, có khả năng giao tiếp và thái độ tận tình trong phục vụ tổ chức, công dân. Xử lý kiên quyết, kịp thời, nghiêm minh đối với những cán bộ, công chức có hành vi vi phạm pháp luật. Kịp thời biểu dương những cá nhân,

đơn vị làm tốt; chấn chỉnh, phê bình những cá nhân, đơn vị làm chưa tốt, hiệu quả thấp trong thực thi công vụ.

- Sáu là, công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra công tác CCHC phải được tiến hành thường xuyên nhằm tạo kết quả chuyển biến thực sự và rõ nét về kỷ luật, kỷ cương hành chính, năng lực quản lý, điều hành và thực thi công vụ.

Phần thứ II

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

I. MỤC TIÊU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Mục tiêu chung

Tập trung thực hiện các mục tiêu trọng tâm: Cải cách thể chế; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công; gắn trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan, đơn vị, địa phương và người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO; tập trung hoàn chỉnh Đề án Chính quyền điện tử; tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi minh bạch góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Tiếp tục sắp xếp, tổ chức bộ máy hành chính nhà nước về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn; tiến hành phân cấp quản lý, đảm bảo sự kiểm soát và nâng cao tính chủ động của chính quyền, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, quyền giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước.

b) Thủ tục hành chính được cải cách cơ bản theo hướng gọn nhẹ, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện; cắt giảm và nâng cao chất lượng thủ tục hành chính trong tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, nhất là thủ tục hành chính liên quan đến người dân và doanh nghiệp; mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với thủ tục hành chính, sự phục vụ của cơ quan hành chính.

c) Đội ngũ cán bộ, công chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ, năng lực hoàn thành công vụ; cơ cấu cán bộ, công chức hợp lý đảm bảo bố trí theo theo vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; 100% công chức xã đạt chuẩn theo quy định của pháp luật.

d) Cung cấp tất cả các dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3 và mức độ 4 tới tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp. Hoàn thành việc xây dựng, triển khai mô hình chính quyền điện tử.

đ) Trên 95% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính được thực hiện dưới dạng điện tử; 100% cán bộ, công chức, sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc; đảm bảo dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động trong các cơ quan và ứng dụng chữ ký số.

e) Duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn chất lượng TCVN ISO 9001:2015; 100% thủ tục hành chính được chuẩn hóa theo quy trình ISO 9001:2015.

g) Tập trung đầu tư trang thiết bị cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại và đảm bảo 100% cán bộ, công chức được trang bị trang thiết bị đầy đủ cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thực thi công vụ.

h) Tiếp tục đổi mới cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý biên chế, tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước theo hướng lấy chất lượng, hiệu quả công việc để giao biên chế và kinh phí.

II. NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA XÃ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

1. Cải cách thể chế

a) Tổ chức thực hiện có hiệu quả Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác xây dựng, thẩm định, ban hành văn bản và thực thi các văn bản quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, cụ thể, khả thi.

b) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách, hỗ trợ, khai thông nguồn nhân lực, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư tiềm năng; tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực và tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia cung ứng dịch vụ trong môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh

c) Tiếp tục rà soát các loại văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân xã đã ban hành đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, loại bỏ những quy định không còn phù hợp hoặc chồng chéo, trùng lặp, không đúng thẩm quyền; điều chỉnh những quy định không còn phù hợp với thực tế, sửa đổi, hủy bỏ, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật.

d) Nâng cao chất lượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt tập trung vào việc rà soát các văn bản do Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân xã ban hành với các quy định của Hiến pháp năm 2013.

đ) Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong quá trình tham mưu, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; xây dựng triển khai đồng bộ quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông để giải quyết thủ tục hành chính liên thông từ xã đến huyện; hướng vào mục tiêu cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao chỉ số cạnh tranh.

b) Tổ chức rà soát, đánh giá sự cần thiết, tính hợp lý và hiệu quả của các thủ tục hành chính trong phạm vi quản lý của địa phương; đẩy mạnh đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục.

c) Thực hiện đầy đủ việc công khai thủ tục hành chính theo quy định trên các phương tiện thông tin đại chúng, Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và niêm yết TTCH tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại xã.

d) Tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại, tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện hình thức liên thông trong các lĩnh vực quản lý nhà nước giữa các cơ quan cùng cấp và giữa cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

đ) Tăng cường đối thoại giữa lãnh đạo địa phương với tổ chức, cá nhân về thủ tục hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính liên quan đến các lĩnh vực tài nguyên và môi trường; các chính sách thuế...

e) Thực hiện khảo sát lấy ý kiến về mức độ hài lòng trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn nhằm nắm bắt được yêu cầu, mong muốn của tổ chức, cá nhân để có những giải pháp cải thiện chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công và nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ tổ chức, cá nhân của đội ngũ cán bộ, công chức.

g) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính và tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các bộ phận, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị, địa phương theo Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ gắn với triển khai Luật Tổ chức chính quyền địa phương đảm bảo đồng bộ, tinh gọn, hiệu quả.

b) Thực hiện việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, người lao động theo tinh thần Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về

sửa đổi bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

c) Tiếp tục duy trì việc tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, chất lượng, hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông. Duy trì thực hiện tốt Đề án một cửa hiện đại tại xã.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

a) Tiếp tục đẩy mạnh chế độ công vụ công chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có số lượng cơ cấu hợp lý, đủ trình độ, năng lực thi hành công vụ trong cơ quan nhà nước.

b) Kiên quyết thay thế những cán bộ, công chức thiếu bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức kém, không đủ năng lực công tác. Đổi mới phương thức tuyển chọn cán bộ, công chức lãnh đạo quản lý theo nguyên tắc cạnh tranh.

c) Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị Quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ; nghiên cứu đề xuất tinh giản biên chế hành chính nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao, cương quyết giảm những vị trí việc làm chồng chéo, không phù hợp.

d) Xây dựng và thực hiện các chính sách về thu hút nhân tài, tuyển dụng, quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức đảm bảo đủ số lượng, chất lượng được nâng cao. Xác định cụ thể các chức danh và tiêu chuẩn công chức phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao làm cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo, quy hoạch, luân chuyển phù hợp.

đ) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức, trách nhiệm nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian trong cơ quan, đơn vị, nâng cao vai trò trách nhiệm thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, chỉ đạo, điều hành công việc, ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính.

e) Tập trung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo nhu cầu công việc và vị trí việc làm; nâng cao đạo đức công vụ thông qua tuyên truyền, bồi dưỡng, kiểm tra, giám sát trong quá trình thực thi công vụ.

g) Đổi mới việc đánh giá cán bộ, công chức theo các quy định của pháp luật; hoàn thiện quy chế, quy trình đánh giá cán bộ một cách khoa học, dân chủ, khách quan, lấy hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ làm thước đo chủ yếu trong đánh giá. Áp dụng công nghệ thông tin, các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong đánh giá cán bộ, công chức.

5. Cải cách tài chính công

a) Thực hiện có hiệu quả các cơ chế khoán biên chế và kinh phí tại các cơ quan hành chính. Nâng cao hiệu quả thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí đối với các cơ quan hành chính nhà nước

b) Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho các bộ phận, thực hiện có hiệu quả cơ chế cấp ngân sách dựa trên kết quả và chất lượng hoạt động, hướng vào kiểm soát đầu ra, chất lượng chi tiêu theo mục tiêu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Tích cực chủ động, vận dụng sáng tạo mô hình kết hợp nhà nước và doanh nghiệp trong đầu tư và quản lý, khai thác một số công trình, dự án trên các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực dịch vụ y tế, giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao và các dự án cơ sở hạ tầng.

d) Tham mưu triển khai các cơ chế chính sách phù hợp với quy định của văn bản pháp luật mới. Thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

đ) Xây dựng định mức phân bổ ngân sách, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia theo Luật ngân sách nhà nước, nhằm tạo sự chủ động, trách nhiệm cho ngân sách chính quyền địa phương và đơn vị sử dụng ngân sách, đảm bảo tính công bằng, công khai minh bạch, hiệu quả trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước.

e) Tiếp tục rà soát bổ sung, sửa đổi hoặc xóa bỏ các cơ chế, chính sách, định mức tài chính còn bất cập; nghiên cứu đẩy mạnh xã hội hóa nhằm giảm áp lực chi ngân sách trong một số lĩnh vực.

6. Hiện đại hóa hành chính

a) Tiếp tục tăng cường hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước; phát huy hiệu quả chỉ đạo, điều hành qua môi trường mạng, phục vụ người dân và các tổ chức tốt hơn; thúc đẩy cải cách hành chính và nâng cao chỉ số mức độ sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin.

b) Nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành hoạt động của các cơ quan hành chính thông qua việc sử dụng hiệu quả Hệ thống điều hành tác nghiệp đa cấp liên thông. Thực hiện quản lý, hoạt động và cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, địa phương.

c) Tổng kết rút kinh nghiệm việc thực hiện đề án xây dựng hệ thống tin học hóa phục vụ công tác CCCH. Nhân rộng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính nhà nước ở các xã, phường, thị trấn.

d) Tăng cường công tác kiểm tra xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

đ) Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp trụ sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành tập trung thống nhất của cơ quan hành chính các cấp. Tăng cường đầu tư các trang thiết bị phương tiện làm việc hiện đại. Thực hiện diện rộng cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại UBND cấp xã theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Phần thứ ba

NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị

- Kính đề nghị UBND tỉnh, UBND huyện có cơ chế thi đua khen thưởng nhằm động viên, khích lệ trong công tác cải cách hành chính. Quan tâm đến chế độ, chính sách cho cán bộ làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính cũng như cán bộ phụ trách công nghệ thông tin cấp xã nhằm tạo thêm động lực cho cán bộ phụ trách kiêm nhiệm hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ được giao.

- Kính đề nghị UBND tỉnh, UBND huyện và các cơ quan cấp trên mở thêm các lớp tập huấn về kiểm soát thủ tục hành chính, đồng thời mở rộng đối tượng tham gia tập huấn trong triển khai, đưa vào sử dụng các phần mềm phục vụ hoạt động nhằm đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong tình hình mới.

- Kính đề nghị UBND huyện, Trung tâm Hành chính công huyện nghiên cứu đề xuất cấp trên cấu hình lại bộ quy trình chuẩn và thời gian phù hợp trong phần mềm xử lý dịch vụ công tập trung, tạo sự đồng bộ, thống nhất về cấu hình TTHC trong toàn huyện. Phối hợp tìm ra nguyên nhân chính xác hồ sơ trễ hện của các TTHC liên thông và tìm ra giải pháp tối ưu để giải quyết triệt để vấn đề này.

2. Đề xuất

- Đề xuất UBND huyện thường xuyên thành lập các Đoàn kiểm tra để tiến hành hành kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức. Đồng thời, xử lý nghiêm, triệt để các trường hợp cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ.

- Đề xuất UBND huyện trong quá trình tuyển dụng công chức cấp xã, ưu tiên tuyển dụng công chức có bằng chuyên môn công nghệ thông tin để phục vụ tốt hơn cho việc ứng dụng công nghệ thông tin ngày càng cao của cơ quan, đơn vị.

Phần thứ tư
PHỤ LỤC KÈM THEO

Phụ lục 1
Thông kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của địa phương

STT	Chỉ tiêu	Các đơn vị, địa phương thuộc huyện					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1	Số lượng văn bản chỉ đạo, điều hành	08	11	10	09	11	10
	- Văn bản của cấp ủy cùng cấp	00	00	01	00	00	00
	- Văn bản của cơ quan, đơn vị	08	10	09	09	11	10
2	Số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra CCHC	00	03	03	03	04	00
3	Tuyên truyền CCHC						
-	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu CCHC (Có tổ chức = 1; Không tổ chức = 0)	00	00	00	00	00	00
-	Số lượng bản tin chuyên đề CCHC trên đài PTTH huyện	00	00	02	03	02	00
-	Số lớp tập huấn chuyên đề CCHC	02	03	04	05	04	00
-	Xây dựng chuyên mục CCHC trên Trang/Cổng TTĐT (Có xây dựng = 1; Không xây dựng = 0)	0	0	0	0	0	0
-	Hình thức tuyên	02	02	02	03	03	03

STT	Chỉ tiêu	Các đơn vị, địa phương thuộc huyện					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
	truyền CCHC khác (nếu có).						
4	Số lượng mô hình, sáng kiến CCHC được triển khai áp dụng						
5	Xây dựng, áp dụng bộ tiêu chí đánh giá CCHC các cơ quan, đơn vị						
	Bộ tiêu chí đánh giá các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện						
	Bộ tiêu chí đánh giá UBND cấp xã	01	01	01	01	01	01
6	Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức						
-	Số lượng dịch vụ đã khảo sát						
-	Số lượng mẫu đã khảo sát						
-	Mức độ hài lòng chung						

Phụ lục 2
Thống kê các nhiệm vụ tại lĩnh vực cải cách thể chế của địa phương

STT	Nhiệm vụ/tiêu chí	Các đơn vị, địa phương thuộc huyện					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) chủ trì soạn thảo đã được ban hành						
	Nghị quyết của Hội đồng nhân cấp huyện						
	Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện						
	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã	02	02	02	02	02	00
	Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã	00	00	00	00	00	00
2	Số VBQPPL được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới sau rà soát	00	00	00	00	00	00
3	Số VBQPPL đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý sau rà soát	00	00	00	00	00	00
4	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	02	02	02	02	02	00
5	Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền	00	00	00	00	00	00
6	Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền đã được xử lý	00	00	00	00	00	00
7	Văn bản không phải là VBQPPL nhưng có chứa quy phạm pháp luật	07	07	11	10	04	00

Phụ lục 3
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính
của địa phương

STT	Chỉ tiêu	Các đơn vị, địa phương thuộc					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1.	Tổng số TTHC của đơn vị, địa phương						
-	<i>Số lượng TTHC cấp xã</i>	154	154	120	100	132	129
2.	Số TTHC được đơn giản hóa sau rà soát (theo thẩm quyền của huyện, như: giảm thời gian giải quyết...)	00	00	00	00	00	00
3.	Số lượng thủ tục hành chính được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/Trang Thông tin điện tử	00	00	00	27	26	05
4.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông						
-	<i>Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã</i>	154	154	120	100	132	129
-	<i>Số lượng TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông cùng cấp</i>	00	00	18	17	31	31
-	<i>Số lượng TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền</i>						

STT	Chỉ tiêu	Các đơn vị, địa phương thuộc					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tinh đến 31/3)
-	<i>Số TTHC đã thực hiện 4 tại chỗ</i>	00	00	00	00	00	00
5.	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC						
-	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp xã giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)(%)</i>	98	99	98	98	99	99
6.	Tiếp nhận và xử lý PAKN về TTHC	00	00	00	00	00	00

Phụ lục 4
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức của địa phương

STT	Chỉ tiêu	Các đơn vị, địa phương thuộc huyện					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1.	Tổng số biên chế cán bộ, công chức	22	22	22	22	21	21
-	<i>Tổng số được giao</i>	23	23	23	23	20	21
-	<i>Tổng số có mặt</i>	22	22	22	22	21	21
2.	Số công chức được tuyển dụng theo hình thức thi cạnh tranh	00	00	01	00	00	00
3.	Số công chức được bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý thông qua thi tuyển cạnh tranh	00	00	00	00	00	00
4.	Số lượng cán bộ, công chức được tinh giản biên chế	00	00	00	00	00	00
5.	Số lượng công chức được bồi dưỡng, tập huấn hàng năm	22	22	22	22	21	21
6.	Số lượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng	10	10	10	10	10	10

Phụ lục 5
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực hiện đại hóa hành chính
của cơ quan, đơn vị, địa phương

STT	Chỉ tiêu	Các đơn vị, địa phương thuộc huyện					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1.	Tỷ lệ văn bản hành chính được trao đổi dưới dạng điện tử	00	05	53	742	1450	415
2.	Số đơn vị kết nối Trục liên thông VBQG (UBND xã)	00	01	01	01	01	01
3.	Số lượng văn bản nhận trên Trục liên thông VBQG	00	04	53	550	1305	377
4.	Số lượng văn bản gửi trên Trục liên thông VBQG	00	01	00	192	145	38
5.	Số lượng chữ ký số	00	00	00	192	145	38
6.	Tỷ lệ công chức có hộp thư điện tử (%)	00	00	00	100	100	100
7.	Số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	00	00	00	00	00	00
8.	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 có phát sinh hồ sơ	00	00	00	00	00	00
9.	Số đơn vị xây dựng, sử dụng phần mềm một cửa điện tử	00	00	01	01	01	01

STT	Chỉ tiêu	Các đơn vị, địa phương thuộc huyện					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
10.	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua hệ thống một cửa điện tử	98	99	98	98	99	99
11.	Số cơ quan cấp xã có bản Công bố ISO (UBND xã)	00	00	01	01	01	01

Phụ lục 6
Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu cải cách hành chính nhà nước của địa phương giai đoạn 2011-2020

STT	Các mục tiêu cải cách	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
1.	Thủ tục hành chính liên quan đến cá nhân, tổ chức được cải cách cơ bản theo hướng gọn nhẹ, đơn giản; mỗi năm đều có tỷ lệ giảm chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước	Không đạt
2.	Thủ tục hành chính được cải cách cơ bản, mức độ hài lòng của nhân dân và doanh nghiệp về thủ tục hành chính đạt mức trên 80% vào năm 2020	Đạt
3.	Sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị để không còn sự chồng chéo, bỏ trống hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn	Đạt
4.	Chuyển giao những công việc mà cơ quan hành chính nhà nước không nên làm hoặc làm hiệu quả thấp cho xã hội, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ đảm nhận	Không đạt
5.	Sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt mức trên 80% vào năm 2020	Đạt
6.	Đội ngũ công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước; 100% các cơ quan, đơn vị có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm;	Đạt
7.	Đến năm 2020: 90% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử; cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc; bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động trong các cơ quan; hầu hết các giao dịch của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trên môi trường điện tử, mọi lúc, mọi nơi, dựa trên các ứng dụng truyền thông đa phương tiện; hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến trên Mạng thông tin điện tử hành chính ở mức độ 3 và 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau	Không đạt

STT	Các mục tiêu cải cách	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
8.	Các trang tin, cổng thông tin điện tử hoàn thành việc kết nối với Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, hình thành đầy đủ Mạng thông tin điện tử hành chính trên Internet	Đạt
9.	20% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính quyền điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cơ quan	Không đạt
10.	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của từng bộ, ngành đạt từ 20% trở lên; tích hợp 30% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của các bộ, ngành, địa phương với Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử	Không đạt
11.	Tối thiểu 30% dịch vụ công trực tuyến thực hiện ở mức độ 4; 100% dịch vụ công được hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp; 50% cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 100% Cổng Thông tin điện tử công khai thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ; 20% dịch vụ công trực tuyến sử dụng chữ ký số trên nền tảng di động để thực hiện thủ tục hành chính; 50% dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử; 20% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến; 50% dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp.	Không đạt
12.	100% phần mềm quản lý văn bản và điều hành của các đơn vị được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử; 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử; tối thiểu 60% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 30% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).	Đạt
13.	Tối thiểu 30% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.	Không đạt

STT	Các mục tiêu cải cách	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
14.	Rút ngắn từ 30% - 50% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử.	Không đạt
15.	100% cơ quan kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.	Không đạt

Trên đây là Báo cáo Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, định hướng giai đoạn 2021 - 2030 của xã Quảng Phước, UBND xã báo cáo UBND huyện, Phòng Nội vụ huyện để có hướng chỉ đạo nhằm giúp công tác CCHC của địa phương tốt hơn trong thời gian tiếp theo./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
 - Văn phòng HĐND-UBND huyện;
 - BTV Đảng ủy;
 - TT. HĐND xã;
 - CT, PCT.UBND xã;
 - Các bộ phận UBND xã;
 - Trang TTĐT xã;
 - Lưu VT.
- } (Để b/c)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hiền